

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11-8-2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trịnh Văn Lực;
- Ông Nguyễn Văn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hồng Sơn, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong ngày 11 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 25/2025/TLST-HNGĐ ngày 11/7/2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1978 (CCCD số: 086078000655 cấp ngày 25/3/2021); địa chỉ: E ấp A, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1982, (CCCD: 074182000422 cấp 25/3/2021); địa chỉ: E ấp A, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông P và bà Nguyễn Thị Thùy D tự nguyện yêu nhau và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã C, tỉnh Vĩnh Long) theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 89 ngày 03/11/2008. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 01 con chung, sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, tình cảm hiện tại không còn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã ly

thân từ tháng 12/2024 đến nay. Mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhưng mục đích hôn nhân không đạt được nên ông P yêu cầu ly hôn với chị D.

Về con chung: Ông P yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thái B, sinh ngày 29/8/2013 và không yêu cầu bà D phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy D trình bày: Thống nhất với trình bày của ông Nguyễn Hoàng P về quan hệ hôn nhân, nơi đăng ký kết hôn, con chung và thời gian vợ, chồng sống ly thân. Bà D xác định tình cảm vợ chồng không còn do ông P thường xuyên nhậu nhẹt, bạo lực gia đình và ngoại tình. Nhưng do vợ chồng chưa thống nhất về tài sản chung nên bà D không đồng ý ly hôn. Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì bà D đồng ý giao con chung cháu Nguyễn Thái B, sinh ngày 29/8/2013 cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng. Bà D không cấp dưỡng nuôi con. Bà D không có yêu cầu phản tố về phân chia tài sản chung, tự hai bên thoả thuận, khi nào hai bên thoả thuận không được thì sẽ khởi kiện vụ án khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng, đồng thời giữ nguyên ý kiến trình bày trong quá trình tố tụng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Hoàng P khởi kiện tranh chấp ly hôn, nuôi con đối với bà Nguyễn Thị Thùy D. Theo thông tin mà bị đơn cung cấp, hiện tại bà D có địa chỉ cư trú và đang thực thể sinh sống tại: 578 ấp A, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ các Điều: 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã C, tỉnh Vĩnh Long) theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 89 ngày 03/11/2008 là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Thấy rằng, tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định như sau: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”. Quá trình giải quyết vụ án, ông P và bà D thừa nhận trong quá trình sống chung, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm sống, hiện tại cả hai không còn tình cảm yêu thương nhau và đã sống ly thân từ tháng 12/2024 đến nay. Đối chiếu quy định của pháp luật nêu trên thì hôn nhân giữa ông P và bà D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần giải quyết cho ông P và bà D ly hôn, phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, ông P và bà D có 01 con chung tên Nguyễn Thái B, sinh ngày 29/8/2013. Quá trình giải quyết vụ án, ông P và bà D thống nhất giao con chung cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ vào nguyện vọng của cháu B và sự thoả thuận của ông P và bà D thì Hội đồng xét xử ghi nhận sự thoả thuận của hai bên, giao con chung cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng, phù hợp Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông P không yêu cầu bà D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông P.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 28, 35, 36, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều: 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng P đối với bà Nguyễn Thị Thùy D.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hoàng P được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thùy D.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thái B, sinh ngày 29/8/2013 cho ông Nguyễn Hoàng P trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận ông P không yêu cầu bà Nguyễn Thị Thùy D cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Hoàng P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004341 ngày 20/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 16 - TP. Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đào Thị Thu Vân